

Số: 97 /TTr-UBND

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 6 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc xem xét thông qua dự thảo Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2023-2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế và theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1584 /TTr-SNV ngày 15 / 5 /2024, UBND thành phố kính trình HĐND thành phố thông qua dự thảo Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2023-2025, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Sự cần thiết

Sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước. Tại Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị¹ và Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội² đã đánh giá kết quả thực hiện việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019-2021 ngoài những mục tiêu, kết quả tích cực đã đạt được như giảm số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, giảm chi ngân sách nhà nước, mở rộng không gian phát triển, phát huy tiềm năng, lợi thế của các địa phương,... thì việc sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2019-2021 vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc, trong đó công tác bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ, chính sách đối với cán

¹ Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030

² Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

bộ, công chức, viên chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính còn lúng túng, số lượng người dôi dư cần tiếp tục giải quyết còn nhiều,...

Vướng mắc, bất cập nêu trên do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ yếu do cơ chế tài chính hiện hành chưa thực sự phù hợp để có thể khuyến khích, hỗ trợ một cách thỏa đáng cho cán bộ, công chức, viên chức dôi dư nghỉ việc ổn định cuộc sống, ổn định công việc. Đây là vấn đề cần nghiên cứu, có giải pháp khắc phục hiệu quả để chuẩn bị và tổ chức triển khai thực hiện chu đáo việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030. Trong đó, cần chú trọng phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức dôi dư, có chính sách ưu đãi, khuyến khích phù hợp theo hướng khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức dôi dư nghỉ việc hoặc chuyển công tác sang lĩnh vực khác.

Tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội³ quy định: “*Chậm nhất 05 năm kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành, số lượng lãnh đạo, quản lý và số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở các cơ quan, tổ chức ở đơn vị hành chính sau sắp xếp bảo đảm đúng quy định. Trường hợp đặc biệt báo cáo Bộ Nội vụ để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định*”.

Đồng thời tại khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: “*Ngoài các chế độ, chính sách quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, trên cơ sở cân đối ngân sách địa phương, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư của các cơ quan, tổ chức do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn*”.

Tại điểm đ khoản 7 mục III Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ quy định: “*Trên cơ sở cân đối ngân sách địa phương, UBND cấp thành phố xây dựng chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức dôi dư của các cơ quan, tổ chức, đơn vị do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025, trình HĐND cùng cấp xem xét, quyết định theo thẩm quyền, hoàn thành trước ngày 31/12/2023*”.

Hiện nay, Chính phủ đã ban hành các văn bản quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách như: Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ⁴; Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/03/2015 của Chính phủ⁵; Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ⁶.

³ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030

⁴ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế

⁵ Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/03/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội

⁶ Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức

HĐND thành phố Đà Nẵng đã có một số quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách phường, xã, người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thôn như: Nghị quyết số 159/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018⁷; Nghị quyết số 279/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 159/2018/NQ-HĐND; Nghị quyết số 50/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 về sửa đổi Nghị quyết số 279/2019/NQ-HĐND; Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 14/12/2023⁸; Nghị quyết số 99/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023⁹.

UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố Đà Nẵng sau khi có ý kiến tham gia của Bộ Nội vụ và ý kiến thống nhất của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố (Phương án số 1076/PA-UBND ngày 01/3/2024 thay thế Phương án số 5784/PA-UBND ngày 20/10/2023) và triển khai quy trình tiếp theo của việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố Đà Nẵng; trong đó bao gồm cả việc triển khai xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025. Giai đoạn 2023-2025 thành phố Đà Nẵng dự kiến sắp xếp 17 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó dự kiến giảm 09 đơn vị hành chính cấp xã. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã dự kiến dôi dư so với quy định của Chính phủ là 103 người, số người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư là 34 người.

Việc ban hành Nghị quyết nhằm bảo đảm thi hành quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030. Do đó, trên cơ sở cân đối ngân sách địa phương, việc UBND thành phố trình HĐND thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2023-2025 là cần thiết.

2. Căn cứ pháp lý

a) Căn cứ khoản 2 Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: *“Hội đồng nhân dân cấp thành phố ban hành Nghị quyết để quy định chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, Luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”*.

b) Căn cứ điểm g, h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND các cấp: *“Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ;*

⁷ Nghị quyết số 159/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 quy định chính sách hỗ trợ, khuyến khích cán bộ xin thôi làm nhiệm vụ và công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý tự nguyện thôi việc để bố trí cán bộ

⁸ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 quy định về số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

⁹ Nghị quyết số 99/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 quy định về chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách phường, xã trên địa bàn thành phố nhưng chưa có chính sách đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã

Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”.

c) Căn cứ khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: “Ngoài các chế độ, chính sách quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 12, trên cơ sở cân đối ngân sách địa phương, UBND cấp thành phố trình HĐND cùng cấp ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư của cơ quan, tổ chức do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn”.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Xây dựng Nghị quyết của HĐND thành phố quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nhằm:

a) Kịp thời động viên, khuyến khích cho cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã nghỉ công tác do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế đảm bảo phù hợp với quy định của nhà nước và điều kiện thực tế của địa phương.

b) Hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã giải quyết khó khăn khi bị cắt giảm để thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

2. Quan điểm chỉ đạo

a) Xây dựng chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã kịp thời, đúng quy định, công bằng và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của thành phố;

b) Chính sách phải thoả đáng, tạo động lực khuyến khích cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư nghỉ việc theo đúng lộ trình giải quyết dôi dư, đồng thời tạo sự đồng thuận của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã với phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố giai đoạn 2023-2025 và những năm tiếp theo.

c) Đảm bảo sự ổn định trong hoạt động của hệ thống chính trị tại địa phương, không làm phát sinh các vấn đề phức tạp tại cơ sở.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết thực hiện đúng theo quy trình quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ

sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Sau khi được Thường trực HĐND thành phố thống nhất chủ trương xây dựng nghị quyết tại Thông báo số 30/HĐND-PC ngày 21/02/2024 về thông báo ý kiến của Thường trực HĐND thành phố, Sở Nội vụ đã đăng tải trên trang thông tin điện tử và lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan và đối tượng chịu sự tác động của chính sách; tổng hợp ý kiến góp ý và ý kiến thẩm định để hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Về bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 03 Điều, được bố cục như sau:

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2023 - 2025;

Điều 2. Hiệu lực thi hành;

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2023-2025 gồm 03 điều, cụ thể:

a) **Điều 1.** Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2023 - 2025, cụ thể như sau:

“1. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 được bố trí công tác trước ngày 01 tháng 01 năm 2024.

2. Chính sách hỗ trợ

Ngoài các chế độ, chính sách thực hiện theo quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế và các chính sách khác theo quy định của pháp luật, thành phố Đà Nẵng hỗ trợ thêm đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 nghỉ công tác trên địa bàn thành phố như sau:

a) Đối với cán bộ, công chức cấp xã

- Cán bộ, công chức cấp xã nghỉ trong thời gian 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 có hiệu lực thi hành: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời

điểm kết thúc lộ trình giải quyết cán bộ, công chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thì được hỗ trợ 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng.

- Cán bộ, công chức cấp xã nghỉ sau 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 có hiệu lực thi hành: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình giải quyết cán bộ, công chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thì được hỗ trợ 1/4 tháng tiền lương hiện hưởng.

- Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc lộ trình giải quyết cán bộ, công chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thì số tháng được hưởng hỗ trợ được tính bằng số tháng nghỉ trước so với thời điểm nghỉ hưu nêu trên.

b) Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

- Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025, nghỉ trong thời gian 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 có hiệu lực thi hành thì được hưởng mức hỗ trợ như sau:

+ Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có thời gian công tác từ 05 (năm) năm trở lên thì cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp được hưởng hỗ trợ bằng 1/2 mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng.

+ Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có thời gian công tác dưới 05 (năm) năm thì cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp được hưởng hỗ trợ bằng 1/4 mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng.

- Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp thì số tháng được hưởng hỗ trợ được tính bằng số tháng nghỉ trước so với thời điểm nghỉ hưu nêu trên.

c) Thời điểm kết thúc lộ trình giải quyết cán bộ, công chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp được tính tối đa 05 (năm) năm kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 có hiệu lực thi hành.

d) Tiền lương hiện hưởng là tiền lương tháng liền kề trước khi nghỉ việc. Tiền lương tháng được tính bao gồm: mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh; các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, tiền lương và mức chênh lệch bảo lưu (nếu có) theo quy định của pháp luật về tiền lương (không bao gồm phụ cấp công vụ).

Phụ cấp hiện hưởng của người hoạt động không chuyên trách phường, xã là phụ cấp của tháng liền kề trước khi nghỉ việc, được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 99/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND thành phố quy định về chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.”

b) **Điều 2.** Hiệu lực thi hành.

c) **Điều 3.** Tổ chức thực hiện.

Trên đây là Tờ trình về việc xem xét thông qua dự thảo Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2023-2025, UBND thành phố kính trình HĐND thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Pháp chế, HĐND thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, SNV.

15

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Trung Chinh

linhvt-11/06/2024 16:27:59-linhvt-linhvt

Số: /2024/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2023 - 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030;

Căn cứ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2023- 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2023 - 2025, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 được bố trí công tác trước ngày 01 tháng 01 năm 2024.

2. Chính sách hỗ trợ

Ngoài các chế độ, chính sách thực hiện theo quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế và các chính sách khác theo quy định của pháp luật, thành phố Đà Nẵng hỗ trợ thêm đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 nghỉ công tác trên địa bàn thành phố như sau:

a) Đối với cán bộ, công chức cấp xã

- Cán bộ, công chức cấp xã nghỉ trong thời gian 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 có hiệu lực thi hành: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình giải quyết cán bộ, công chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thì được hỗ trợ 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng.

- Cán bộ, công chức cấp xã nghỉ sau 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 có hiệu lực thi hành: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình giải quyết cán bộ, công chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thì được hỗ trợ 1/4 tháng tiền lương hiện hưởng.

- Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc lộ trình giải quyết cán bộ, công chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thì số tháng được hưởng hỗ trợ được tính bằng số tháng nghỉ trước so với thời điểm nghỉ hưu nêu trên.

b) Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

- Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025, nghỉ trong thời gian 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 có hiệu lực thi hành thì được hưởng mức hỗ trợ như sau:

+ Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có thời gian công tác từ 05 (năm) năm trở lên thì cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp được hưởng hỗ trợ bằng 1/2 mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng.

+ Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có thời gian công tác dưới 05 (năm) năm thì cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp được hưởng hỗ trợ bằng 1/4 mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng.

- Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp thì số tháng được hưởng hỗ trợ được tính bằng số tháng nghỉ trước so với thời điểm nghỉ hưu nêu trên.

c) Thời điểm kết thúc lộ trình giải quyết cán bộ, công chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp được tính tới đa 05 (năm) năm kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 có hiệu lực thi hành.

d) Tiền lương hiện hưởng là tiền lương tháng liền kề trước khi nghỉ việc. Tiền lương tháng được tính bao gồm: mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh; các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, tiền lương và mức chênh lệch bảo lưu (nếu có) theo quy định của pháp luật về tiền lương (không bao gồm phụ cấp công vụ).

Phụ cấp hiện hưởng của người hoạt động không chuyên trách phường, xã là phụ cấp của tháng liền kề trước khi nghỉ việc, được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 99/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND thành phố quy định về chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

3. Nguồn kinh phí

Kinh phí để hỗ trợ cho cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2023 - 2025 quy định tại Nghị quyết này do ngân sách thành phố chi trả.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2024.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ, Thành ủy;
- Các cơ quan, tham mưu giúp việc Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- VP UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Các quận ủy, UBND, UBMTTQ Việt Nam các quận, phường;
- Huyện ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam huyện Hòa Vang, HĐND, UBND các xã;
- Báo ĐN, Chuyên đề CA TPĐN, Đài PT-TH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Cổng TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTĐH.

CHỦ TỊCH

Phụ lục I
TỔNG HỢP CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH DÔI DƯ KHI SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Cán bộ, công chức dôi dư khi sắp xếp đơn vị hành chính tự nguyện nghỉ công tác được hưởng các chế độ sau:

a) Nội dung chính sách

- Chính sách của Trung ương: **01 trong các chế độ từ số thứ tự 01 đến 05** theo bảng dưới đây và chế độ tại số thứ tự thứ 06
- Chính sách của thành phố: chế độ hỗ trợ thêm của thành phố tại số thứ tự 07

b) Ví dụ

Bà Nguyễn Thị A, Chủ tịch Hội Nông Dân nhiệm kỳ 2023-2028, có 30 năm công tác đóng BHXH, 05 năm nữa sẽ đến tuổi nghỉ hưu đúng tuổi, lương bình quân 60 tháng trước khi về hưu là 6.000.000 đồng khi nghỉ công tác từ ngày 01/12/2024 (ngày Quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã có hiệu lực) sẽ được hưởng chế độ hưu trí theo BHXH mà không bị trừ tỷ lệ % là 75% (đáng lẽ nghỉ trước 05 năm phải bị trừ 10%), được hưởng **150** triệu tiền nghỉ hưu trước tuổi và **133** triệu đồng hỗ trợ sắp xếp của Trung ương và **210** triệu hỗ trợ sắp xếp của thành phố. Tổng bà A nhận được **493** triệu đồng.

2. Không chuyên trách cấp xã dôi dư khi sắp xếp đơn vị hành chính tự nguyện nghỉ công tác được hưởng các chế độ sau:

a) Nội dung chính sách

- Chính sách của Trung ương: Chế độ tại số thứ tự thứ 06
- Chính sách của thành phố: Chế độ hỗ trợ thêm của thành phố tại số thứ tự 07

b) Ví dụ:

Bà Trần Thị O, Bà Trần Thị O, giữ chức danh không chuyên trách không giữ chức vụ bầu cử được 6 năm nghỉ từ tháng 12/2024, phụ cấp hiện hưởng 4.212.000 đ/tháng (hệ số lương 2,34), công tác được 6 năm nghỉ từ ngày 01/12/2024 sẽ được hưởng **126** triệu đồng hỗ trợ sắp xếp của Trung ương và **126** triệu đồng hỗ trợ sắp xếp của thành phố. Tổng là **252** triệu đồng.

Tên chính sách	Đối tượng và điều kiện được hưởng chính sách	Nội dung chính sách được hưởng	Ví dụ
I. QUY ĐỊNH CỦA TRUNG ƯƠNG (Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ)			
1. Chính sách nghỉ hưu trước tuổi (Điều 5)	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ, công chức cấp xã có tuổi thấp hơn tối đa đủ 05 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 02 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định - Có đủ 20 năm đóng BHXH bắt buộc trở lên 	<p>Được hưởng lương hưu theo quy định tại Điều 54 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và hưởng các chế độ, chính sách sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CĐ1: Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi - CĐ2: Được trợ cấp 03 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định - CĐ3: Được trợ cấp 05 tháng tiền lương bình quân cho 20 năm đầu công tác, có đóng đủ BHXH bắt buộc. Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương. 	<p>Bà Nguyễn Thị A, Chủ tịch Hội Nông Dân nhiệm kỳ 2023-2028, có 30 năm công tác đóng BHXH, 05 năm nữa sẽ đến tuổi nghỉ hưu đúng tuổi, lương bình quân 60 tháng trước khi về hưu là 6.000.000 đồng thì hưởng các chế độ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CĐ1: Không trừ tỷ lệ lương hưu: thay vì nghỉ trước 5 năm bị trừ 10% tỷ lệ lương hưu - CĐ2: $3 \text{ tháng/năm} \times 5 \text{ năm} \times 6.000.000 \text{ đ/tháng} = 90.000.000 \text{ đồng}$ - CĐ3: Trợ cấp 05 tháng tiền lương cho 20 năm đầu đóng BHXH = $05 \text{ tháng} \times 6.000.000 \text{ đ/tháng} = 30.000.000 \text{ đồng}$ <p>Từ năm thứ 21 đến năm thứ 30: $10 \text{ năm} \times 1/2 \text{ tháng/năm} \times 6.000.000 \text{ đ/tháng} = 30.000.000 \text{ đồng}$</p> <p>Tổng kinh phí nhận được là 150.000.000 đồng và ngay sau khi QĐ nghỉ hưu trước tuổi có hiệu lực sẽ được hưởng lương hưu theo quy định của bảo hiểm xã hội</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ, công chức cấp xã có tuổi tối thiểu thấp hơn 02 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định - Có đủ 20 năm đóng BHXH bắt buộc trở lên (riêng nữ cán bộ, công chức cấp xã thì có từ đủ 15 năm đóng BHXH bắt buộc trở lên) 	<ul style="list-style-type: none"> - Được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội - Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Ông Nguyễn Văn B còn 01 năm nữa đến tuổi nghỉ hưu theo quy định và có 35 năm đóng BHXH thì không trừ tỷ lệ lương hưu (Hưởng tối đa 75%, thay vì nghỉ trước 1 năm bị trừ 2% tỷ lệ lương hưu) và ngay sau khi QĐ nghỉ hưu trước tuổi có hiệu lực sẽ được hưởng lương hưu theo quy định của bảo hiểm xã hội. 2. Bà Trần Thị C còn 01 năm nữa đến tuổi nghỉ hưu theo quy định và có 15 năm đóng BHXH thì không bị trừ tỷ lệ lương hưu (thay vì nghỉ trước 1 năm bị trừ 2% tỷ lệ lương hưu) và ngay sau khi QĐ nghỉ hưu trước tuổi có hiệu lực sẽ được hưởng lương hưu theo quy định của bảo hiểm xã hội.

Tên chính sách	Đối tượng và điều kiện được hưởng chính sách.	Nội dung chính sách được hưởng	Ví dụ
	<ul style="list-style-type: none"> - Nữ cán bộ, công chức cấp xã có tuổi thấp hơn tối đa đủ 05 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 02 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định - Có đủ 15 năm đến dưới 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc 	<p>Được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và được hưởng các chế độ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CĐ1: Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi - CĐ2: Được trợ cấp 03 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định - CĐ3: Được hưởng trợ cấp 05 tháng tiền lương bình quân 	<p>Bà Lê Thị D còn 05 năm nữa tới tuổi nghỉ hưu theo quy định có 18 năm đóng BHXH, lương bình quân 60 tháng trước khi về hưu là 6.000.000 đồng thì hưởng chế độ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CĐ1: Không trừ tỷ lệ lương hưu: (thay vì nghỉ trước 5 năm bị trừ 10% tỷ lệ lương hưu) - CĐ2: $3 \text{ tháng/năm} \times 5 \text{ năm} \times 6.000.000 \text{ đ/tháng} = 90.000.000 \text{ đồng}$ - CĐ3: Trợ cấp 05 tháng tiền lương cho 20 năm đầu đóng BHXH = $05 \text{ tháng} \times 6.000.000 \text{ đ/tháng} = 30.000.000 \text{ đồng}$ <p>Tổng kinh phí nhận được là 120.000.000 đồng và ngay sau khi QĐ nghỉ hưu trước tuổi có hiệu lực sẽ được hưởng lương hưu theo quy định của bảo hiểm xã hội</p>
<p>2. Chính sách nghỉ hưu trước tuổi do đời dư sau sắp xếp (Điều 8)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ, công chức cấp xã có tuổi thấp hơn tối đa đủ 10 tuổi và thấp hơn tối thiểu trên 05 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định - Có đủ 20 năm đóng BHXH bắt buộc trở lên 	<p>Được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và được hưởng các chế độ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CĐ1: Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi; - CĐ2: Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định - CĐ3: Được trợ cấp 05 tháng tiền lương bình quân cho 20 năm đầu công tác, có đóng đủ BHXH bắt buộc. Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng BHXH bắt buộc được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương 	<p>Ông Nguyễn Văn Đ còn 10 năm nữa tới tuổi nghỉ hưu theo quy định có 25 năm đóng BHXH, lương bình quân 60 tháng trước khi về hưu là 6.000.000 đồng thì hưởng chế độ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CĐ1: Không trừ tỷ lệ lương hưu: thay vì nghỉ trước 10 năm bị trừ 20% tỷ lệ lương hưu - CĐ2: $1,5 \text{ tháng/năm} \times 6.000.000 \text{ đ/tháng} \times 10 \text{ năm} = 90.000.000 \text{ đồng}$ - CĐ3: Trợ cấp 05 tháng tiền lương cho 20 năm đầu đóng BHXH = $05 \text{ tháng} \times 6.000.000 \text{ đ/tháng} = 30.000.000 \text{ đồng}$ <p>Từ năm thứ 21 đến năm thứ 30: $5 \text{ năm} \times 1/2 \text{ tháng/năm} \times 6.000.000 \text{ đ/tháng} = 15.000.000 \text{ đồng}$</p> <p>Tổng kinh phí nhận được là 145.000.000 đồng và ngay sau khi QĐ nghỉ hưu trước tuổi có hiệu lực sẽ được hưởng lương hưu theo quy định của bảo hiểm xã hội</p>

Tên chính sách	Đối tượng và điều kiện được hưởng chính sách	Nội dung chính sách được hưởng	Ví dụ
	<p>- Nữ cán bộ, công chức cấp xã có tuổi thấp hơn tối đa đủ 10 tuổi và thấp hơn tối thiểu trên 05 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định</p> <p>- Có đủ 15 năm đến dưới 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc</p>	<p>Được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và được hưởng các chế độ sau:</p> <p>- CĐ1: Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi</p> <p>- CĐ2: Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định</p> <p>- CĐ3: Được hưởng trợ cấp 05 tháng tiền lương bình quân</p>	<p>Bà Hồ Thị M còn 10 năm nữa tới tuổi nghỉ hưu theo quy định có 15 năm đóng BHXH, lương bình quân 60 tháng trước khi về hưu là 5.000.000 đồng thì hưởng chế độ sau:</p> <p>- CĐ1: Không trừ tỷ lệ lương hưu: thay vì nghỉ trước 10 năm bị trừ 20% tỷ lệ lương hưu</p> <p>- CĐ2: $1,5 \text{ tháng/năm} \times 5.000.000 \text{ đ/tháng} \times 10 \text{ năm} = 75.000.000 \text{ đồng}$</p> <p>- CĐ3: $05 \text{ tháng} \times 5.000.000 \text{ đ/tháng} = 25.000.000 \text{ đồng}$</p> <p>Tổng kinh phí nhận được là 100.000.000 đồng và ngay sau khi QĐ nghỉ hưu trước tuổi có hiệu lực sẽ được hưởng lương hưu theo quy định của bảo hiểm xã hội</p>
<p>3. Chính sách chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách nhà nước (Điều 6)</p>	<p>- Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng kinh phí thường xuyên từ ngân sách nhà nước</p> <p>- Không áp dụng đối với trường hợp có tuổi thấp hơn đủ 03 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định và có đủ 20 năm đóng BHXH bắt buộc trở lên.</p>	<p>Được hưởng các khoản trợ cấp sau:</p> <p>- CĐ1: Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng;</p> <p>- CĐ2: Được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm công tác có đóng BHXH bắt buộc.</p>	<p>Ông Lý Văn T là công chức phường có 16 năm đóng BHXH, lương hiện hưởng 7.000.000 đ/tháng, lương bình quân 60 tháng trước khi sắp xếp là 6.500.000 đồng, khi sắp xếp ĐVHC, ông T chuyển qua đơn vị sự nghiệp tự chủ hoàn toàn của quận thì được hưởng các chế độ sau:</p> <p>- CĐ1: $3 \text{ tháng} \times 7.000.000 \text{ đ/tháng} = 21.000.000 \text{ đồng}$</p> <p>- CĐ2: $1,5 \text{ tháng/năm} \times 6.500.000 \text{ đ/tháng} \times 16 \text{ năm} = 156.000.000 \text{ đồng}$</p> <p>Tổng kinh phí nhận được là 177.000.000 đồng và tiếp tục được làm việc tại các tổ chức không hưởng kinh phí thường xuyên từ ngân sách nhà nước (đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư hoặc doanh nghiệp nhà nước hoặc cổ phần hóa có phần vốn của nhà nước quản lý)</p>

Tên chính sách	Đối tượng và điều kiện được hưởng chính sách	Nội dung chính sách được hưởng	Ví dụ
4. Chính sách thôi việc ngay (Điều 7)	Cán bộ, công chức cấp xã có tuổi thấp hơn tối thiểu đủ 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định và không đủ điều kiện để hưởng chính sách về hưu trước tuổi	<p>Thôi việc ngay thì được hưởng các khoản trợ cấp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CĐ1: Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm; - CĐ2: Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm công tác có đóng BHXH bắt buộc. - CĐ3: Được bảo lưu thời gian đóng BHXH và cấp số bảo hiểm xã hội hoặc nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội; <p>Lưu ý: Không được hưởng chính sách thôi việc đối với công chức theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Bà Trần Thị N có 14 năm công tác có đóng BHXH, lương hiện hưởng là 7.000.000 đ/tháng và lương bình quân 60 tháng trước khi nghỉ việc là 6.500.000 đ/tháng, khi sắp xếp ĐVHC, bà N thôi việc ngay sẽ được hưởng các chế độ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CĐ1: 3 tháng x 7.000.000 đ/tháng = 21.000.000 đồng - CĐ2: 1,5 tháng/năm x 6.500.000 đ/tháng x 14 năm = 136.500.000 đồng - CĐ3: Được bảo lưu thời gian đóng BHXH và cấp số bảo hiểm xã hội hoặc nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội
5. Chính sách thôi việc sau khi đi học nghề	Có tuổi đời dưới 45 tuổi, có sức khỏe, tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật, có nguyện vọng thôi việc thì được cơ quan, tổ chức, đơn vị tạo điều kiện cho đi học nghề trước khi giải quyết thôi việc, tự tìm việc làm mới	<ul style="list-style-type: none"> - CĐ1: Được hưởng nguyên tiền lương hiện hưởng và được cơ quan, đơn vị đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (nếu thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp) trong thời gian đi học nghề, nhưng thời gian hưởng tối đa là 06 tháng; - CĐ2: Được trợ cấp một khoản kinh phí học nghề bằng chi phí cho khóa học nghề tối đa là 06 tháng mức lương hiện hưởng để đóng cho cơ sở dạy nghề; - CĐ3: Sau khi kết thúc học nghề được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng tại thời điểm đi học để tìm việc làm; - CĐ4: Được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội; - CĐ5: Trong thời gian đi học nghề được tính thời gian công tác liên tục nhưng không được tính thâm niên công tác để nâng bậc lương thường xuyên hàng năm. - CĐ6: Được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội 	<p>Ông Đinh Văn K có lương hiện hưởng là 7.000.000 đ/tháng, có 15 năm đóng BHXH lương bình quân là 6.500.000 đ/tháng thôi việc sau khi đi học nghề được hưởng các chế độ sau</p> <ul style="list-style-type: none"> - CĐ1: 6 tháng lương hiện hưởng để học nghề: 6*7.000.000 đ/tháng = 42.000.000 đồng và cơ quan vẫn đóng BHXH, BHYT - CĐ2: Kinh phí học nghề tối đa 6 tháng lương hiện hưởng: 6*7.000.000 đ/tháng = 42.000.000 đồng - CĐ3: Trợ cấp tìm việc: 3*7.000.000 đ/tháng = 21.000.000 đồng - CĐ4: Trợ cấp thời gian công tác: 1,5 tháng/năm * 15*6.500.000 đ/tháng = 146.250.000 đồng - CĐ5: Tuy đi học nghề nhưng vẫn tính là thời gian công tác liên tục. - CĐ6: Được bảo lưu thời gian đóng BHXH và cấp số bảo hiểm xã hội hoặc nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội

Tên chính sách	Đối tượng và điều kiện được hưởng chính sách	Nội dung chính sách được hưởng	Ví dụ
		<p>và cấp số bảo hiểm xã hội hoặc nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội;</p> <p>Lưu ý: Không được hưởng chính sách thôi việc đối với công chức theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>6. Chính sách đối với đối tượng tinh giản biên chế do sắp xếp lại đơn vị hành chính</p>	<p>Cán bộ cấp xã</p>	<p>- Trường hợp 1: Nếu nghỉ trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định của cấp có thẩm quyền: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc nhiệm kỳ thì được hưởng trợ cấp bằng 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng.</p> <p>- Trường hợp 2: Nếu nghỉ sau 12 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền đến trước thời điểm kết thúc nhiệm kỳ: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc nhiệm kỳ thì được hưởng trợ cấp bằng 1/4 tháng tiền lương hiện hưởng.</p> <p>Riêng đối tượng có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc nhiệm kỳ thì số tháng được hưởng trợ cấp được tính bằng số tháng nghỉ trước so với thời điểm nghỉ hưu nêu trên.</p>	<p>- Trường hợp 1: Bà Nguyễn Thị A, Chủ tịch Hội Nông Dân nhiệm kỳ 2023-2028, nếu nghỉ từ tháng 12/2024 thì tính đến tháng 3/2028 (kết thúc nhiệm kỳ) sẽ nghỉ trước 38 tháng, lương hiện hưởng 7.000.000 đ/tháng sẽ hưởng chế độ tối đa như sau: 0.5 tháng * 7.000.000 đ/tháng * 38 tháng = 133.000.000 đồng</p> <p>- Trường hợp 2: Bà Nguyễn Thị A, Chủ tịch Hội Nông Dân nhiệm kỳ 2023-2028, nếu nghỉ từ tháng 12/2025 thì tính đến tháng 3/2028 (kết thúc nhiệm kỳ) sẽ nghỉ trước 26 tháng, lương hiện hưởng 7.000.000 đ/tháng sẽ hưởng chế độ tối đa như sau: 0.25 tháng * 7.000.000 đ/tháng * 26 tháng = 45.500.000 đồng</p>
	<p>Công chức cấp xã</p>	<p>- Trường hợp 1: Nếu nghỉ trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định của cấp có thẩm quyền: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình giải quyết cán bộ, công chức, viên chức dôi dư theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì được hưởng trợ cấp bằng 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng</p> <p>- Trường hợp 2: Nếu nghỉ sau 12 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền đến trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình giải quyết cán bộ, công chức, viên chức dôi dư theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì được hưởng mức trợ cấp bằng</p>	<p>Trường hợp 1: Bà Lê Thị D, nếu nghỉ từ tháng 12/2024 thì tính đến tháng 12/2029 sẽ nghỉ trước 60 tháng, lương hiện hưởng 7.000.000 đ/tháng sẽ hưởng chế độ tối đa như sau: 0,5 tháng * 7.000.000 đ/tháng * 60 tháng = 210.000.000 đồng</p> <p>- Trường hợp 2: Bà Lê Thị D, nếu nghỉ từ tháng 12/2025 thì tính đến tháng 12/2029 sẽ nghỉ trước 48 tháng, lương hiện hưởng 7.000.000 đ/tháng sẽ hưởng chế độ tối đa như sau: 0.25 tháng * 7.000.000 đ/tháng * 48 tháng = 84.000.000 đồng</p>

Tên chính sách	Đối tượng và điều kiện được hưởng chính sách	Nội dung chính sách được hưởng	Ví dụ
		<p>1/4 tháng tiền lương hiện hưởng</p> <p>Riêng đối tượng có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp thì số tháng được hưởng trợ cấp được tính bằng số tháng nghỉ trước so với thời điểm nghỉ hưu nêu trên.</p>	
7. Chính sách hỗ trợ đời sống sau sắp xếp	Đối với cán bộ, công chức cấp xã	<p>- Trường hợp 1: Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố giữ các chức danh bầu cử: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc nhiệm kỳ thì được hưởng trợ cấp bằng 1/2 mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng. Riêng đối tượng có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp thì số tháng được hưởng trợ cấp được tính bằng số tháng nghỉ trước so với thời điểm nghỉ hưu nêu trên</p> <p>- Trường hợp 2: Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố giữ các chức danh không do bầu cử: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp được hưởng trợ cấp bằng 1/2 mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng. Riêng đối tượng có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp thì số tháng được hưởng trợ cấp được tính bằng số tháng nghỉ trước so với thời điểm nghỉ hưu nêu trên.</p>	<p>- Trường hợp 1: Ông Nguyễn Văn Y, chức danh Phó Chủ tịch Hội Nông Dân nhiệm kỳ 2023-2028, nghỉ từ tháng 12/2024 thì tính đến tháng 3/2028 (kết thúc nhiệm kỳ) sẽ nghỉ trước 38 tháng, phụ cấp hiện hưởng 4.212.000 đ/tháng (hệ số lương 2,34) sẽ hưởng chế độ tối đa như sau: 0.5 tháng * 4.212.000 đ/tháng * 38 tháng = 80.028.000 đồng</p> <p>- Trường hợp 2: Bà Trần Thị O, giữ chức danh văn thư, thủ quỹ nghỉ từ tháng 12/2024 thì tính đến tháng 12/2029 sẽ nghỉ trước 60 tháng, phụ cấp hiện hưởng 4.212.000 đ/tháng sẽ hưởng chế độ tối đa như sau: 0.5 tháng * 4.212.000 đ/tháng * 60 tháng = 126.360.000 đồng</p>
II	QUY ĐỊNH CỦA THÀNH PHỐ (Ngoài hưởng chính sách của Trung ương, CBCC và KCT phường, xã được hưởng thêm chính sách này)		
			<p>Trường hợp 1: Bà Nguyễn Thị A, nếu nghỉ từ tháng 12/2024 thì tính đến tháng 12/2029 sẽ nghỉ trước 60 tháng, lương hiện hưởng 7.000.000 đ/tháng sẽ hưởng chế độ tối đa như sau: 0.5 tháng * 7.000.000 đ/tháng * 60 tháng = 210.000.000 đồng</p>

Tên chính sách	Đối tượng và điều kiện được hưởng chính sách	Nội dung chính sách được hưởng	Ví dụ
		<p>đơn vị hành chính cấp xã thì được hỗ trợ 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng.</p> <p>- Trường hợp 2: Cán bộ, công chức cấp xã nghỉ sau 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 có hiệu lực thi hành, thì cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình giải quyết cán bộ, công chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thì được hỗ trợ 1/4 tháng tiền lương hiện hưởng.</p> <p>Lưu ý: Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc lộ trình giải quyết cán bộ, công chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thì số tháng được hưởng hỗ trợ được tính bằng số tháng nghỉ trước so với thời điểm nghỉ hưu nêu trên.</p>	<p>- Trường hợp 2: Bà Nguyễn Thị A, nếu nghỉ từ tháng 12/2025 thì tính đến tháng 12/2029 sẽ nghỉ trước 48 tháng, lương hiện hưởng 7.000.000 đ/tháng sẽ hưởng chế độ tối đa như sau: 0.25 tháng * 7.000.000 đ/tháng * 48 tháng = 84.000.000 đồng</p>
	<p>- Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã</p> <p>- Nghỉ trong thời gian 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính cấp xã có hiệu lực thi hành</p>	<p>- Trường hợp có thời gian công tác từ 05 (năm) năm trở lên thì cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp được hưởng hỗ trợ bằng 1/2 mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng.</p> <p>- Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có thời gian công tác dưới 05 (năm) năm thì cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp được hưởng hỗ trợ bằng 1/4 mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng.</p> <p>Lưu ý: Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc lộ trình giải quyết cán bộ, công chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thì số tháng được hưởng hỗ trợ được tính bằng số tháng nghỉ trước so với thời điểm nghỉ hưu nêu trên.</p>	<p>Trường hợp 1: Bà Trần Thị O, giữ chức danh không chuyên trách được 6 năm nghỉ từ tháng 12/2024, phụ cấp hiện hưởng 4.212.000 đ/tháng (hệ số lương 2,34) sẽ hưởng chế độ tối đa như sau: 0.5 tháng * 4.212.000 đ/tháng * 60 tháng = 126.360.000 đồng</p> <p>- Trường hợp 2: Ông Nguyễn Văn Y, giữ chức danh không chuyên trách được 2 năm nghỉ từ tháng 12/2024, phụ cấp hiện hưởng 4.212.000 đ/tháng (hệ số lương 2,34) sẽ hưởng chế độ tối đa như sau: 0.25 tháng * 4.212.000 đ/tháng * 60 tháng = 63.180.000 đồng</p>

Phụ lục II

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ DỰ KIẾN HỖ TRỢ CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ VÀ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ ĐỐI DƯ DO SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2023 - 2025 THEO CHÍNH SÁCH CỦA THÀNH PHỐ THEO PHƯƠNG ÁN 2

Số TT	Phân loại đối tượng	Chế độ được hỗ trợ thêm theo chính sách của thành phố	Chức danh	Số người	Thời điểm kết thúc nhiệm kỳ	Số tháng hỗ trợ tối đa	Tiền lương hiện hưởng	Số tiền hỗ trợ nhận được/tháng	Số tiền hỗ trợ tối đa/người theo NSNN	Số tiền hỗ trợ tối đa/người theo ND Chính phủ	Tổng số tiền 01 người nhận được	Tổng số tiền tối đa NSNN hỗ trợ
1	2	3	4	5	6	7	8	9 = 8 x 1/2	10 = 7 x 9	11 = 10	12 = 10 + 11	13 = 10 x 5
1	Đối với cán bộ cấp xã	Cán bộ cấp xã nghỉ trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định của cấp có thẩm quyền: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc nhiệm kỳ thì được hưởng hỗ trợ bằng 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng	Bí thư Đảng ủy	6	5/2025	5	7.182.000	3.591.000	17.955.000	17.955.000	35.910.000	107.730.000 đ
			Phó Bí thư Đảng ủy	8	5/2025	5	7.182.000	3.591.000	17.955.000	17.955.000	35.910.000	143.640.000 đ
			Chủ tịch UBND	7	4/2024	0	7.182.000	3.591.000	0	0	0	0 đ
			Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	8	3/2027	27	7.182.000	3.591.000	96.957.000	96.957.000	193.914.000	775.656.000 đ
			Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	8	4/2026	16	7.182.000	3.591.000	57.456.000	57.456.000	114.912.000	459.648.000 đ
			Chủ tịch Hội Nông dân	2	4/2028	40	7.182.000	3.591.000	143.640.000	143.640.000	287.280.000	287.280.000 đ
			Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	5	3/2027	27	7.182.000	3.591.000	96.957.000	96.957.000	193.914.000	484.785.000 đ
2	Đối với công chức cấp xã	Công chức cấp xã nghỉ trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định của cấp có thẩm quyền: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình giải quyết cán bộ, công chức đối dư theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì được hưởng hỗ trợ bằng 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng.	Mỗi phường trung bình 15 biên chế công chức * 9 phường dự kiến sắp xếp	59		60	6.588.000	3.294.000	197.640.000	197.640.000	395.280.000	11.660.760.000 đ
3	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã	Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã giữ các chức danh bầu cử: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc nhiệm kỳ thì được hưởng hỗ trợ bằng 1/2 mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng.	Chủ nhiệm UBKT (hoặc Phó Chủ nhiệm UBKT)	4	5/2025	5	4.212.000	2.106.000	10.530.000	10.530.000	21.060.000	42.120.000 đ
			Phó Chủ tịch UBND	3	4/2024	51	4.212.000	2.106.000	107.406.000	107.406.000	214.812.000	322.218.000 đ
			Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp PNVN	3	4/2026	16	4.212.000	2.106.000	33.696.000	33.696.000	67.392.000	101.088.000 đ
			Phó Chủ tịch Hội Nông dân	3	4/2028	40	4.212.000	2.106.000	84.240.000	84.240.000	168.480.000	252.720.000 đ
			Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	3	3/2027	27	4.212.000	2.106.000	56.862.000	56.862.000	113.724.000	170.586.000 đ
			Phó Bí thư Đoàn TNCS HCM	3	4/2027	27	4.212.000	2.106.000	56.862.000	56.862.000	113.724.000	170.586.000 đ
			Chủ tịch Hội Người cao tuổi	3	4/2026	16	4.212.000	2.106.000	33.696.000	33.696.000	67.392.000	101.088.000 đ
			Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	3	9/2026	21	4.212.000	2.106.000	44.226.000	44.226.000	88.452.000	132.678.000 đ
			05 người/phường *9 phường	9		60	4.212.000	2.106.000	126.360.000	126.360.000	252.720.000	1.137.240.000 đ
TỔNG CỘNG				137								16.349.823.000 đ

Ghi chú:

- Số liệu phân tích tại bảng này là số liệu dự kiến số lượng dôi dư và chính sách được hưởng

Số TT 10 là số tiền ngân sách thành phố hỗ trợ tối đa cho mỗi người theo chức danh

Số TT11 là số tiền hỗ trợ tối đa theo quy định của Nghị định Chính phủ, theo phương án 2 này thì số tiền ngân sách thành phố hỗ trợ bằng mức quy định của Chính phủ

Số TT 12 là tổng số tiền mà cán bộ, công chức hoặc không chuyên trách nhận được theo quy định của Trung ương và Thành phố

Số TT 13 là dự kiến tổng số tiền mà ngân sách thành phố sẽ hỗ trợ theo chính sách riêng của thành phố theo tổng số người của từng chức danh

linhvvt-11/06/2024 16:27:59-linhvt-linhvt-linhvt

Phụ lục III

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ DỰ KIẾN HỖ TRỢ CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ VÀ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ DÔI DƯ DO SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2023 - 2025 THEO CHÍNH SÁCH CỦA THÀNH PHỐ THEO PHƯƠNG ÁN 3

Số TT	Phân loại đối tượng	Chế độ được hỗ trợ thêm theo chính sách của thành phố	Chức danh	Số người	Số tháng hỗ trợ tối đa đến thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp	Tiền lương hiện hưởng	Số tiền hỗ trợ nhận được/tháng	Số tiền hỗ trợ tối đa/người theo NSNN	Số tiền hỗ trợ tối đa/người theo ND Chính phủ	Tổng số tiền 01 người nhận được	Tổng số tiền tối đa NSNN hỗ trợ
1	2	3	4	5	7	8	9 = 8 x 1/2	10 = 7 x 9	11	12 = 10 + 11	13 = 10 x 5
1	Đối với cán bộ, công chức cấp xã	Cán bộ, công chức cấp xã nghỉ trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định của cấp có thẩm quyền: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình giải quyết án bộ, công chức dôi dư theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì được hưởng hỗ trợ bằng 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng	Bí thư Đảng ủy	6	60	7.182.000	3.591.000	215.460.000	17.955.000	233.415.000	1.292.760.000 đ
			Phó Bí thư Đảng ủy	8	60	7.182.000	3.591.000	215.460.000	17.955.000	233.415.000	1.723.680.000 đ
			Chủ tịch UBND TQVN	7	60	7.182.000	3.591.000	215.460.000	0	215.460.000	1.508.220.000 đ
			Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	8	60	7.182.000	3.591.000	215.460.000	96.957.000	312.417.000	1.723.680.000 đ
			Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	8	60	7.182.000	3.591.000	215.460.000	57.456.000	272.916.000	1.723.680.000 đ
			Chủ tịch Hội Nông dân	2	60	7.182.000	3.591.000	215.460.000	143.640.000	359.100.000	430.920.000 đ
			Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	5	60	7.182.000	3.591.000	215.460.000	96.957.000	312.417.000	1.077.300.000 đ
			Mỗi phường trung bình 15 biên chế công chức * 9 phường dự kiến sắp xếp	59	60	6.588.000	3.294.000	197.640.000	197.640.000	395.280.000	11.660.760.000 đ
2	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã	Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ trong thời gian 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp thì được hưởng hỗ trợ bằng 1/2 mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng.	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra (hoặc Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra)	4	60	4.212.000	2.106.000	126.360.000	10.530.000	136.890.000	505.440.000 đ
			Phó Chủ tịch UBND TQVN	3	60	4.212.000	2.106.000	126.360.000	107.406.000	233.766.000	379.080.000 đ
			Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp PNVN	3	60	4.212.000	2.106.000	126.360.000	33.696.000	160.056.000	379.080.000 đ
			Phó Chủ tịch Hội Nông dân	3	60	4.212.000	2.106.000	126.360.000	84.240.000	210.600.000	379.080.000 đ
			Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	3	60	4.212.000	2.106.000	126.360.000	56.862.000	183.222.000	379.080.000 đ
			Phó Bí thư Đoàn TNCS HCM	3	60	4.212.000	2.106.000	126.360.000	56.862.000	183.222.000	379.080.000 đ
			Chủ tịch Hội Người cao tuổi	3	60	4.212.000	2.106.000	126.360.000	33.696.000	160.056.000	379.080.000 đ
			Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	3	60	4.212.000	2.106.000	126.360.000	44.226.000	170.586.000	379.080.000 đ
			05 người/phường *9 phường	9	60	4.212.000	2.106.000	126.360.000	126.360.000	252.720.000	1.137.240.000 đ
TỔNG CỘNG				137						25.437.240.000 đ	

Ghi chú:

Số liệu phân tích tại bảng này là số liệu dự kiến số lượng dôi dư và chính sách được hưởng

Số TT 10 là số tiền ngân sách thành phố hỗ trợ tối đa cho mỗi người theo chức danh

Số TT11 là số tiền hỗ trợ tối đa theo quy định của Nghị định Chính phủ, theo phương án 2 này thì số tiền ngân sách thành phố hỗ trợ bằng

Số TT 12 là tổng số tiền mà cán bộ, công chức hoặc không chuyên trách nhận được theo quy định của Trung ương và Thành phố

Số TT 13 là dự kiến tổng số tiền mà ngân sách thành phố sẽ hỗ trợ theo chính sách riêng của thành phố theo tổng số người của từng chức danh